TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 325/2023/HC-PT
Ngày: 13/9/2023
V/v "*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ÔngTrương Minh Tuấn
Các Thẩm phán: Ông Đinh Phước Hòa
Ông Trần Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 154/2023/TLPT-HC ngày 14 tháng 7 năm 2023 về "*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2023/HC-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3138/2023/QĐPT-HC ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Chí V; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền:

+ Ông Nguyễn Đức D; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có Đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Khánh L; địa chỉ: F N, T, huyện C, tỉnh Đắk Nông; có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: Ông Phan Hoàng L1 - Phó Chủ tịch; có Đơn xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Ái V1; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà V1*:* Ông Nguyễn Đức D; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Chí V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện.

Thửa đất số 11, mảnh trích đo 04, diện tích 647,9m^2, tọa lạc tại: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ lập ngày 31/7/2019 có nguồn gốc do ông Lưu Xuân T khai hoang năm 1989, năm 2002 ông T chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Bình L2, năm 2005 ông Nguyễn Bình L2 tặng lại cho con trai là ông Nguyễn Chí V. Năm 2008 ông V xây dựng nhà ở và sinh sống ổn định, không tranh chấp với ai cũng như không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hoặc lập biên bản xử lý vi phạm hành chính, hàng năm ông V đều thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước.

Để thực hiện dự án xây dựng công trình đường giao thông trục chính trung tâm N, huyện K, ngày 21/12/2020, UBND huyện K ban hành quyết định số 4184/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 535,1m^2 của ông Nguyễn Chí V (còn lại 112,8m^2), đồng thời ban hành Quyết định 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 4196) về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Xét thấy, các khoản bồi thường, hỗ trợ cho ông V theo Quyết định 4196 là chưa đúng và chưa đầy đủ theo quy định pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của người bị thu hồi đất nên ông V làm đơn khiếu nại đến Cơ quan có thẩm quyền.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 2637/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện K (sau đây gọi tắt là Quyết định 2637) đã không chấp nhận đơn khiếu nại của ông V và giữ nguyên quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện K đối với hộ ông Nguyễn Chí V.

Việc Chủ tịch UBND huyện K không chấp nhận đơn khiếu nại của ông V là chưa đúng quy định pháp luật, chưa phù hợp với hiện trạng, nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, tạo lập tài sản trên đất. Cụ thể như sau:

- Thứ nhất: Bồi thường, hỗ trợ về đất. Diện tích đất ông Nguyễn Chí V quản lý, sử dụng thuộc trường hợp đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được công nhận đối với 400m^2 đất ở tại nông thôn theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai. Việc, ông V chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ là thủ tục hành chính và có phần do lỗi của UBND huyện K, trong khi hồ sơ đăng ký đất đai của ông V đã đầy đủ tại UBND xã C. Do đó việc UBND huyện K áp giá đối với phần diện tích đất bị thu hồi 535,1m^2 (Đã có nhà ở ổn định từ năm 2008) theo giá đất nông nghiệp để bồi thường là chưa

đúng quy định. Lẽ ra, ông V phải được bồi thường theo giá đất ở tại nông thôn thì mới đúng pháp luật.

- Thứ hai: Bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình và tài sản khác liền với đất.

Quyết định giải quyết khiếu nại cho rằng ông V xây dựng nhà ở trên đất chưa chuyển mục đích sử dụng đất, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới theo quy định tại Điều 89 Luật đất đai mà chỉ được hỗ trợ với mức chỉ 60% là chưa chính xác, chưa đúng quy định pháp luật. Vì thửa đất ông V đang sử dụng mặc dù chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các tài sản là nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác gắn liền với đất phải được bồi thường bằng 100% giá trị tài sản.

- Thứ ba: Về các khoản hỗ trợ khác.

Quyết định giải quyết khiếu nại số 2637 của Chủ tịch UBND huyện K cho rằng ngoài phần diện tích nhà và đất bị thu hồi là 535,1m^2, tại thôn N, xã C, huyện K thì ông V và bà Phạm Ái V1 còn có nhà và đất khác tại xã C (Nhận chuyển nhượng từ bà Dương Thị P vào ngày 15/3/2008) nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ tái định cư là không chính xác, không đúng với thực tế. Bởi lẽ, ngày 22/10/2008 ông V mới đăng ký kết hôn với bà Phạm Ái V1, trong khi nhà và đất trên bà V1 đã nhận chuyển nhượng từ bà Dương Thị P vào ngày 15/3/2008 (trước thời kỳ hôn nhân) nên đây được xem là tài sản riêng của bà Phạm Ái V1. Ông V và bà Phạm Ái V1 đã ly hôn vào năm 2020. Hiện tại, ông V phải nuôi 02 con nhỏ đang tuổi ăn học, không có đất và nhà ở tại xã C, huyện K mà phải sinh sống trong rẫy tại xã E, huyện E nên điều kiện rất khó khăn, vất vả. Việc UBND huyện K thu hồi phần lớn diện tích đất và nhà ở duy nhất của ông V tại xã C, huyện K nhưng không bố trí tái định cư cho ông V là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp nay ông Nguyễn Chí V khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết các vấn đề sau:

+ Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 2637/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K;

+ Huỷ một phần Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, tỉnh Đắk Lắk (đợt II) đối với ông Nguyễn Chí V;

+ Buộc UBND huyện K xây dựng lại phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, công trình trên đất, hỗ trợ tiền thuê nhà và bố trí tái định cư, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với diện tích đất nông nghiệp còn lại (112,8m^2) cho ông Nguyễn Chí V theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ý kiến của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện K ***và Chủ tịch*** UBND huyện K***:***

Tại bản tự khai ngày 20/02/2023 và B tự khai bổ sung ngày 15/5/2023, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện ông Phan Hoàng L1 trình bày:

Về nội dung khiếu nại liên quan đến giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất:

Diện tích 535,1m^2 đất ông Nguyễn Chí V đang khiếu nại thuộc thửa đất số 11, mảnh trích do địa chính số 14670/TL-VPDKDĐ, tại thôn N, xã C, huyện K nằm trong phần đất thu hồi của Ban Q 14 giao cho UBND huyện K quản lý tại Quyết định số 874/QĐ- UB, ngày 24/7/2004. Năm 1989 ông Lưu Xuân T1 đi kinh tế mới đã bao chiếm diện tích đất này để sản xuất đất nông nghiệp, đến năm 2002 sang nhượng lại cho ông Nguyễn Bình L2 sử dụng ổn định đến năm 2005 tặng cho con trai là ông Nguyễn Chí V và vợ là bà Phạm Ái V1, ông Nguyễn Chí V, bà Phạm Ái V1 sử dụng ổn định vào mục đích làm nhà ở ổn định từ khoảng năm 2008 đến năm 2014 thì di chuyển chỗ ở đến nơi khác. Diện tích đất thu hồi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Vì vậy, căn cứ vào Quyết định số 2875/QĐ-UBND, ngày 19/8/2020 của UBND huyện K, về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, việc áp giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất thu hồi theo đơn giá đất nông nghiệp là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung khiếu nại liên quan đến giá trị bồi thường, hỗ trợ công trình trên đất:

Trong quá trình tặng cho quyền sử dụng đất vào năm 2005 đối với thửa đất thu hồi để thực hiện dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, ông Nguyễn Bình L2 và ông Nguyễn Chí V, bà Phạm Ái V1 chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo như quy định pháp luật mà đã tiến hành xây dựng nhà ở, tài sản gắn liền trên đất không đúng mục đích sử dụng đất. Vì vậy, theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh (sau đây gọi tắt là Quyết định 27/2019/QĐ-UBND), nên nhà ở, công trình xây dựng của hộ ông Nguyễn Chí V, bà Phạm Ái V1 không đủ điều kiện bồi thường mà chỉ được hỗ trợ theo như quy định. Giá trị hỗ trợ bằng 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014.

Vì vậy, việc ông Nguyễn Chí V cho rằng giá trị bồi thường, hỗ trợ về công trình trên đất trên phần diện 535,1m^2 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện xây dựng Dự án Đường giao thông trục chính trung tâm Nó huyện N (Đ) là chưa sát với giá trị thị trường là không có cơ sở.

Về nội dung khiếu nại liên quan đến giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất:

Trên cơ sở Biên bản kiểm kê tài sản, đất đai và hoa màu số 31/BB-TTPTQĐ, ngày 17/10/2019 của ông Nguyễn Chí V, bà Phạm Ái V1 và các Quyết định của UBND tỉnh Đ quy định về bồi thường, hỗ trợ về cây trồng trên đất. Việc áp giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng trên đất của ông Nguyễn Chí

V, bà Phạm Ái V1 là đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể đã được quy định rõ tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND, ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đ về việc Quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND).

Vì vậy, việc ông Nguyễn Chí V cho rằng giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất trên phần diện tích 535,1m^2 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện xây dựng Dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N (Đ) là chưa sát với giá trị thị trường là không có cơ sở.

Về nội dung khiếu nại liên quan đến cấp đất tái định cư:

Theo như nội dung tại Báo cáo số 184/BC-UBND, ngày 13/10/2020 của UBND xã C, ông Nguyễn Chí V – bà Phạm Ái V1 được xác định có 01 nhà ở khác ngoài ngôi nhà nằm trong diện thu hồi để thực hiện dự án đường N. Cụ thể: Thưa dất số 124, tờ bản đồ số 40, diện tích khoảng 345m^2 tại thôn N, xã C, huyện K. Số mục kê lưu trữ tại xã C được thể hiện dưới tên bà Phạm Ái V1. Diện tích xây dựng nhà khoảng 100m^2, nguồn gốc sử dụng đất do nhận chuyển nhượng của bà Dương Thị P.

Vì vậy trên cơ sở Báo cáo số 184/BC-UBND, ngày 13/10/2020 của UBND xã C cùng với các quy định của pháp luật, việc ông Nguyễn Chí V không thuộc trường hợp được xem xét giao 01 thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong quá trình làm việc với các cá nhân có liên quan khẳng định ông Nguyễn Chí V – bà Phạm Ái V1 được xác định có 01 ngôi nhà ở thứ hai tọa lạc tại thôn N, xã C có nguồn gốc sử dụng đất là nhận chuyển nhượng của bà Dương Thị P vào khoảng thời gian năm 2014. Đoàn xác minh số 1545 còn thu thập được một số giấy tờ có liên quan đến ngôi nhà được xác định là của ông Nguyễn Chí V và bà Phạm Ái V1, cụ thể như sau:

- Giấy mua bán, sang nhượng đất giữa bà Phạm Ái V1 và ông Trần Sỹ C cùng vợ là bà Phạm Thiên H vào ngày 18/11/2020.
- Hợp đồng thuê nhà của giữa bà Phạm Ái V1 và ông Trần Sỹ C cùng vợ là bà Phạm Thiên H vào ngày 20/11/2020.

Căn cứ vào những giấy tờ mà Đ xác minh số 1545 đã thu thập được trong quá trình xác minh, thời điểm mà bà Phạm Ái V1 sang nhượng ngôi nhà tại thôn N, xã C cho vợ chồng ông Trần Sỹ C và bà Phạm Thiên H là sau thời điểm UBND xã C ban hành Báo cáo số 184/BC-UBND về việc xác định định nhà ở, đất ở của ông Nguyễn Chí V – bà Phạm Ái V1 và sau khi UBND huyện ban hành Thông báo thu hồi đất số 194/TB-UBND ngày 12/9/2019.

Tổng hợp những chứng cứ nêu trên và căn cứ vào khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và khoản 1 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ quyết định sửa đổi, bổ sung một số quy định có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh về sửa đổi bổ sung Điều 6 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014, việc ông

Nguyễn Chí V đề nghị xem xét cấp đất tái định cư để có nơi xây dựng nhà ở ổn định lâu dài là không có cơ sở xem xét.

Về nội dung đề nghị bồi thường, hỗ trợ các công trình khác nằm ngoài ranh giới thu hồi đất:

Qua quá trình kiểm tra, thực hiện công tác do đạc, xác định ranh giới, diện tích đất, tài sản trên đất dối với thửa đất nằm trong phạm vi thu hồi đất để thực hiện dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện K của ông Nguyễn Chí V – bà Phạm Ái V1, Đoàn xác minh số 1545 nhận thấy những tài sản, vật kiến trúc, cây trồng nằm trong ranh giới thu hồi đất đã được xác định đầy đủ, rõ ràng. Cụ thể đã được thể hiện rõ tại Biên bản kiểm kê tài sản, đất đai và hoa màu số 31/BB-TTPTQĐ ngày 17/10/2019 của ông Nguyễn Chí V – bà Phạm Ái V1 và Phương án số 17/PA-TTPTQĐ ngày 26/11/2020 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện.

Đối với các tài sản gắn liền với đất mà ông Nguyễn Chí V đề nghị bồi thường, hỗ trợ như: Giếng nước...Các tài sản này được xác định không nằm trong ranh giới thu hồi đất để thực hiện dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, không bị ảnh hưởng khi thực hiện xây dựng dự án, vẫn dảm bảo công năng sử dụng. Vì vậy, căn cứ theo quy định của pháp luật, các công trình này không được xem xét bồi thường, hỗ trợ.

Quan điểm của người bị kiện: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Ủy ban nhân dân huyện K và Chủ tịch UBND huyện K nhận thấy công tác lập các thủ tục bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để triển khai thực hiện xây dựng dự án đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, tỉnh Đắk Lắk và trình tự giải quyết khiếu nại lần đầu đối với trường hợp của ông Nguyễn Chí V là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí V.

3. Ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí V, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

Với nội dung trên,

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2023/HC-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 62, Điều 63, Điều 64, khoản 2 Điều 66, Điều 74, Điều 82 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà Nước thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T2 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 18; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 33 Luật khiếu nại 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ quyết định sửa đổi, bổ bổ sung một số quy định có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh; Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí V đối với các yêu cầu:

+ Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 2637/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K;

+ Huỷ một phần Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, tỉnh Đắk Lắk (đợt II) đối với ông Nguyễn Chí V;

+ Buộc UBND huyện K xây dựng lại phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, công trình trên đất, hỗ trợ tiền thuê nhà và bố trí tái định cư, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với diện tích đất nông nghiệp còn lại (112,8m^2) cho ông Nguyễn Chí V theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáocủa đương sự.

Ngày 09/6/2023, Ông Nguyễn Chí V2 có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện cho người khởi kiện có kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Các đương sự vắng mặt xin xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử. Về nội dung: Tòa án sơ thẩm đã xét xử và quyết định là đúng pháp luật, người khởi kiện ông Nguyễn Chí V2 kháng cáo nhưng không có tình tiết nào mới, do đó đề nghị bác kháng cáo của người

khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí V2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có kháng cáo và người bị kiện có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, người có quyền, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Chí V2, thấy:

Ông Nguyễn Chí V2 sử dụng diện tích 647,9m^2 đất đất nông nghiệp trong đó có diện tích 535,1m^2 đất bị thu hồi và đang khiếu nại thuộc thửa đất số 11, mảnh trích do địa chính số 14670/TL-VPDKDĐ, tại thôn N, xã C, huyện K nằm trong phần đất thu hồi của Ban Q 14 giao cho UBND huyện K quản lý tại Quyết định số 874/QĐ-UB, ngày 24/7/2004. Về nguồn gốc: Năm 1989 ông Lưu Xuân T1 đi kinh tế mới đã bao chiếm diện tích đất này để sản xuất đất nông nghiệp, đến năm 2002 sang nhượng lại cho ông Nguyễn Bình L2 sử dụng ổn định đến năm 2005 tặng cho con trai là ông Nguyễn Chí V và vợ là bà Phạm Ái V1, ông Nguyễn Chí V, bà Phạm Ái V1 sử dụng ổn định vào mục đích làm nhà ở ổn định từ khoảng năm 2008 đến năm 2014 thì di chuyển chỗ ở đến nơi khác. Diện tích đất thu hồi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất là đất nông nghiệp. Vì vậy, căn cứ vào Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND huyện K, về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, việc áp giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất thu hồi theo đơn giá đất nông nghiệp là đúng theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Bình L2 và ông Nguyễn Chí V, bà Phạm Ái V1 chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo như quy định pháp luật mà đã tiến hành xây dựng nhà ở, tài sản gắn liền trên đất không đúng mục đích sử dụng đất. Vì vậy, theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh (sau đây gọi tắt là Quyết định 27/2019/QĐ-UBND), nên nhà ở, công trình xây dựng của hộ ông Nguyễn Chí V, bà Phạm Ái V1 không đủ điều kiện bồi thường mà chỉ được hỗ trợ theo như quy định. Giá trị hỗ trợ bằng 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014.

Vì vậy, việc ông Nguyễn Chí V cho rằng giá trị bồi thường, hỗ trợ về công trình trên đất trên phần diện 535,1m^2 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện xây dựng Dự án Đường giao thông trục chính trung tâm Nó huyện N (Đ) là chưa sát với giá trị thị trường là không có cơ sở.

[3] Tòa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí V đối với các yêu cầu: + Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 2637/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K; + Huỷ một phần Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, tỉnh Đắk Lắk (đợt II) đối với ông Nguyễn Chí V; + Buộc UBND huyện K xây dựng lại phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, công trình trên đất, hỗ trợ tiền thuê nhà và bố trí tái định cư, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với diện tích đất nông nghiệp còn lại (112,8m^2) cho ông Nguyễn Chí V theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ và đúng pháp luật.

Người khởi kiện ông Nguyễn Chí V kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng tại cấp phúc thẩm không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới khác; do đó Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Chí V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Người khởi kiện ông Nguyễn Chí V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Chí V và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2023/HC- ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí V đối với các yêu cầu:

+ Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 2637/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

+ Huỷ một phần Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện N, tỉnh Đắk Lắk (đợt II) đối với ông Nguyễn Chí V;

+ Buộc UBND huyện K xây dựng lại phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, công trình trên đất, hỗ trợ tiền thuê nhà và bố trí tái định cư, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với diện tích đất nông nghiệp còn lại (112,8m^2) cho ông Nguyễn Chí V theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Chí V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0022823 do ông Nguyễn Xuân Đ1 nộp thay ngày 27/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Chí V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2022/0003758 ngày 19/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Người khởi kiện ông Nguyễn Chí V đã nộp đủ án phí hành chính sơ và phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- Cục THADS tỉnh Đăk Lăk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn